



Mặc khải tại Makkah



بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung.

عَمَّ يَتَسَاءَلُونَ (١)

1- Chúng đang hỏi nhau điều gì vậy?

عَنِ النَّبَاِ الْعَظِيمِ (٢)

2- Về các nguồn tin vĩ đại,

الَّذِي هُمْ فِيهِ مُخْتَلِفُونَ (٣)

3- Điều mà chúng không đồng ý với nhau.

كَلَّا سَيَعْلَمُونَ (٤)

4- Không chúng sẽ sớm biết!

ثُمَّ كَلَّا سَيَعْلَمُونَ (٥)

5- Rồi, nhất định không! Chúng sẽ sớm biết!

أَلَمْ نَجْعَلِ الْأَرْضَ مِهَادًا (٦)

6- Há TA đã không làm trái đất như một chiếc giường,

وَالْجِبَالَ أَوْتَادًا (٧)

7- Và những quả núi như những cột trụ?

وَخَلَقْنَاكُمْ أَزْوَاجًا (٨)

8- Và TA đã tạo các người thành cặp đôi.

وَجَعَلْنَا نَوْمَكُمْ سُبَاتًا (٩)

9- Và làm giấc ngủ của các người thành một sự nghỉ ngơi.

وَجَعَلْنَا اللَّيْلَ لِبَاسًا (١٠)

10- Và làm màn đêm thành một tấm phủ,

وَجَعَلْنَا النَّهَارَ مَعَاشًا (١١)

11- Và làm ban ngày để tìm kế sinh nhai.

وَبَيْنَنَا فَوْقَكُمْ سَبْعًا شِدَادًا (١٢)

12- Và TA đã dựng bên trên các người bảy cái (tầng trời) vững chắc,

وَجَعَلْنَا سِرَاجًا وَهَّاجًا (١٣)

13- Và làm một chiếc đèn (mặt trời) chói sáng.

وَأَنْزَلْنَا مِنَ الْمُعْصِرَاتِ مَاءً ثَجَّاجًا (١٤)

14- Và ban nước xuống dồi dào từ các đám mây chứa nước mưa.

لِنُخْرِجَ بِهِ حَبًّا وَنَبَاتًا (١٥)

15- Mà TA dùng để làm mọc ra trái hạt và cây cối.

وَجَنَّاتٍ أَلْفَافًا (١٦)

16- Và vườn tược cây lá xum xuê.

إِنَّ يَوْمَ الْفَصْلِ كَانَ مِيقَاتًا (١٧)



❖ **Lời Phán Luận Chống Lại Sự Phủ Nhận Của Những Kẻ Đa Thần Về Sự Kiện Của Ngày Phán Xét:**

Allah (ﷻ) phán bảo về sự phủ nhận của những kẻ đa thần về Ngày Phán Xét và sự kiện của Nó như sau:

قال الله تعالى: ﴿عَمَّ يَتَسَاءَلُونَ (١)﴾ ﴿عَنِ النَّبِيِّ الْعَظِيمِ (٢)﴾

((1- Chúng đang hỏi nhau điều gì vậy?)) ((2- Về các nguồn tin vĩ đại,))

Có nghĩa là những kẻ đa thần đang hỏi nhau về sự kiện của Ngày Phán Xét và các nguồn tin vĩ đại về Ngày đó. Nghĩa là những kẻ đa thần muốn tìm hiểu thông tin khủng khiếp và kinh hoàng về Ngày Phán Xét.

قال الله تعالى: ﴿الَّذِي هُمْ فِيهِ مُخْتَلِفُونَ (٣)﴾

((3- Điều mà chúng không đồng ý với nhau.))

Có nghĩa là trong chúng phân ra hai nhóm với hai quan điểm khác nhau về Ngày Phán Xét: Có người thì tin và có những người thì không tin vào Ngày Phán Xét.

Cho nên, Allah (ﷻ) đã cảnh báo những kẻ phủ nhận về Ngày Phán Xét như sau:

قال الله تعالى: ﴿كَلَّا سَيَعْلَمُونَ (٤)﴾ ﴿ثُمَّ كَلَّا سَيَعْلَمُونَ (٥)﴾

((4- Không chúng sẽ sớm biết!)) ((5- Rồi, nhất định không! Chúng sẽ sớm biết!))

Đây là lời răn đe nghiêm khắc, và cũng là lời cảnh báo trực tiếp.

❖ **Phán Bảo Về Quyền Năng Siêu Phàm Của Allah, Và Minh Chứng Về Khả Năng Làm Cho Người Chết Sống Lại Của Ngài:**

Allah (ﷻ) giải thích về khả năng siêu phàm của Ngài (ﷻ) qua việc Ngài (ﷻ) tạo ra các tạo vật lạ và các vấn đề đáng ngạc nhiên. Ngài (ﷻ) dẫn chứng chúng như là một bằng chứng về khả năng siêu phàm của Ngài (ﷻ) rằng Ngài (ﷻ) có thể làm mọi việc mà Ngài (ﷻ) muốn.

قال الله تعالى: ﴿ أَلَمْ نَجْعَلِ الْأَرْضَ مِهَادًا (٦) ﴾

((6- Há TA đã không làm trái đất như một chiếc giường,))

Có nghĩa là Ngài (ﷻ) đã tạo ra trái đất này thành một nơi vững chắc, và là một nơi nghỉ ngơi an lành có ích cho nhân loại.

قال الله تعالى: ﴿ وَالْجِبَالِ أَوْتَادًا (٧) ﴾

((7- Và những quả núi như những cột trụ?))

Allah (ﷻ) tạo những quả núi như là những cột trụ giữ cho trái đất vững chắc và cân bằng. Điều này tạo sự phù hợp cho việc sinh sống trong trái đất và không có sự rung động xảy ra cho những sinh vật sống trong trái đất.

قال الله تعالى: ﴿ وَخَلَقْنَاكُمْ أَزْوَاجًا (٨) ﴾

((8- Và TA đã tạo các người thành cặp đôi.))

Có nghĩa là Allah (ﷻ) tạo nhân loại thành cặp đôi, nam và nữ, để cả hai cùng sống yên lành với nhau; và từ đó sẽ sinh sản và phát triển thêm. Tương tự, Allah (ﷻ) đã phán trong Surah Ar-Rum như sau:

قال الله تعالى: ﴿ وَمِنْ آيَاتِهِ أَنْ خَلَقَ لَكُمْ مِنْ أَنْفُسِكُمْ أَزْوَاجًا لِتَسْكُنُوا إِلَيْهَا وَجَعَلَ بَيْنَكُمْ مَوَدَّةً وَرَحْمَةً

إِنَّ فِي ذَلِكَ لَآيَاتٍ لِقَوْمٍ يَتَفَكَّرُونَ ﴿ سورة الروم: ٢١

((Và trong các Dấu hiệu của Ngài có điều này: Ngài đã tạo từ bản thân của các người những người vợ cho các người để các người sống yên lành với họ và Ngài đặt giữa các người tình yêu thương và lòng bao dung. Quả thật, nơi sự việc đó là những Dấu hiệu cho một số người biết ngẫm nghĩ.)) [Surah Ar-Rum: 21]

قال الله تعالى: ﴿ وَجَعَلْنَا نَوْمَكُمْ سُبَاتًا (٩) ﴾

((9- Và làm giấc ngủ của các người thành một sự nghỉ ngơi.))

Có nghĩa là nghỉ ngơi vào ban đêm sau một ngày lao động mệt nhọc nhằm tìm kẻ sinh nhai.

قال الله تعالى: ﴿ وَجَعَلْنَا اللَّيْلَ لِبَاسًا (١٠) ﴾

((10- Và làm màn đêm thành một tấm phủ,))

Allah (ﷻ) làm cho màn đêm thành một bóng tối bao phủ lấy con người. Tương tự, Allah (ﷻ) đã phán trong Surah Ash-Shams như sau:

قال الله تعالى: ﴿ وَاللَّيْلِ إِذَا يَغْشَاهَا ﴿ سورة الشمس : ٤

((Thề bởi ban Đêm khi che lấp nó)) [Surah Ash-Shams: 4]

- Ông Qatadah đã diễn giải về Lời phán “وَجَعَلْنَا اللَّيْلَ لِيَاسًا – **Và làm màn đêm thành một tấm phủ**” như sau: “*Có nghĩa là một nơi trú ngụ yên tĩnh và thanh bình.*”

قال الله تعالى: ﴿وَجَعَلْنَا اللَّيْلَ مَعَاشًا (١١)﴾

((11- Và làm ban ngày để tìm kẻ sinh nhai.))

Có nghĩa là Allah (ﷻ) làm cho ban ngày trở nên sáng chói, minh bạch và rõ ràng để con người có thể di chuyển trong nó. Từ đó, con người có thể tới lui tìm kẻ sinh nhai và giao thương buôn bán với nhau.

قال الله تعالى: ﴿وَبَنَيْنَا فَوْقَكُمْ سَبْعًا شِدَادًا (١٢)﴾

((12- Và TA đã dựng bên trên các người bảy cái (tầng trời) vững chắc,))

Nghĩa là Allah (ﷻ) dựng các tầng trời rộng lớn, bao la, cao sừng sững, hoàn hảo, chính xác, và trang hoàng trong các tầng trời những ngôi sao cố định và chuyển động.

قال الله تعالى: ﴿وَجَعَلْنَا سِرَاجًا وَهَّاجًا (١٣)﴾

((13- Và làm một chiếc đèn (mặt trời) chói sáng.))

Nghĩa là mặt trời chiếu sáng cung cấp ánh sáng cho toàn thể giới. Và ánh sáng của nó còn rọi sáng cho cả nhân loại trên trái đất nữa.

Sau đó, Allah (ﷻ) đã phán tiếp như sau:

قال الله تعالى: ﴿وَأَنْزَلْنَا مِنَ الْمُعْصِرَاتِ مَاءً ثَجَّاجًا (١٤)﴾

((14- Và ban nước xuống dồi dào từ các đám mây chứa nước mưa.))

- Ông Ali bin Talhah (رضي الله عنه) thuật lại rằng ông Ibn `Abbas (رضي الله عنه) đã nói về ý nghĩa của: “مِنْ الْمُعْصِرَاتِ” như sau: “*Nó có nghĩa là từ các đám mây.*”
- Ông Ibn Jarir (رضي الله عنه) nói rằng các ông Ikrimah, ông Abu Al-`Aliyah, ông Ad-Dahhak, ông Al-Hasan, ông Ar-Rabi` bin Anas, ông Ath-Thawri (رضي الله عنه) cũng đều nói rằng: “مِنْ الْمُعْصِرَاتِ - có nghĩa là *từ các đám mây.*”
- Ông Al-Farra' nói rằng: “*Đó là các đám mây chứa đầy nước mưa, nhưng chúng lại không làm cho mưa. Điều này giống như trường hợp người phụ nữ được gọi là Mu`sir; có nghĩa là khi đến chu kỳ kinh nguyệt thì cô ta lại thấy không có kinh.*”

Như Allah (ﷻ) đã phán trong Surah Ar-Rum như sau:

قال الله تعالى: ﴿اللَّهُ الَّذِي يُرْسِلُ الرِّيَّاحَ فَتُثِيرُ سَحَابًا فَيَبْسُطُهُ فِي السَّمَاءِ كَيْفَ يَشَاءُ وَيَجْعَلُهُ كِسْفًا فَتَرَى الْوَدْقَ يَخْرُجُ مِنْ خِلَالِهِ فَإِذَا أَصَابَ بِهِ مَنْ يَشَاءُ مِنْ عِبَادِهِ إِذَا هُمْ يَسْتَبْشِرُونَ﴾

سورة الروم: ٤٨

((Allah là Đấng gởi những luồng gió bay đi, thổi đưa các đám mây lên cao rồi trải rộng nó trên nền trời theo ý Ngài muốn; và đập nó tan vụn ra; rồi Người thấy nước mưa từ giữa đó rơi xuống; rồi khi Ngài làm cho nước mưa rơi nhằm phải ai trong số bầy tôi của Ngài mà Ngài muốn thì này, họ vui mừng thoả thích;)) [Surah Ar-Rum: 48]

- Ông Mujahid, ông Qatadah và ông Ar-Rabi` bin Anas (رضي الله عنه) nói rằng: “**مَجَاجًا – Thajjaj**; có nghĩa là **đổ ra, trút ra**.”
- Ông At-Thawri thì nói rằng: “**تَجَاجًا – Thajjaj**; có nghĩa là **liên tục, không dừng**.”
- Còn ông Ibn Zayd (رضي الله عنه) thì nói rằng: “**تَجَاجًا – Thajjaj**; có nghĩa là **phong phú, dồi dào**.”

Trong Hadith nói về trường hợp người phụ nữ kéo dài thời gian có kinh nguyệt, Thiên sứ Muhammad (ﷺ) đã nói với cô ta như sau:

قال رسول الله صلى الله عليه وسلم: "أَنْعَتُ لَكَ الْكَرْسَفَ"

“Ta đề nghị bà nên làm một miếng vải thấm nước cho bản thân của bà.”¹

Người phụ nữ đáp: “Thưa Thiên sứ của Allah (ﷺ)! Bông vải không thấm vào đâu so với nó. Quả thực, nó chảy ra (**Thajja**) rất nhiều.”

Hadith trên cho thấy việc sử dụng ngữ vựng “**Thajj**” là nhằm để nói về sự dồi dào, liên tục, và chảy ra. Allah (ﷻ) là Đấng thông lăm và am tường mọi việc.

قال الله تعالى: ﴿لِنُخْرِجَ بِهِ حَبًّا وَنَبَاتًا (١٥)﴾ ﴿وَجَنَّاتٍ أَلْفَافًا (١٦)﴾

((15- Mà TA dùng để làm mọc ra trái hạt và cây cối.)) ((16- Và vườn tược cây lá xum xuê.))

Có nghĩa là qua nước mưa, Allah (ﷻ) sẽ ban cho sự dồi dào, phong phú, sự tốt đẹp, lợi ích và nhiều ân phúc.

“**حَبًّا – trái hạt**”, nghĩa là nói về trái hạt dành cho nhân loại và gia súc dùng.

“**وَنَبَاتًا – cây cối**”, nghĩa là các loại rau được ăn tươi.

“**وَجَنَّاتٍ – các ngôi vườn**”, có nghĩa là ngôi vườn của nhiều loại trái cây, màu sắc đa dạng, và nhiều hương thơm. Mặc dù nó không được tập trung một chỗ trong trái đất.

Vì lẽ đó, nên Allah (ﷻ) đã phán: “**وَجَنَّاتٍ أَلْفَافًا – Và vườn tược cây la xum xuê**”

Ông Ibn `Abbas (رضي الله عنه) nói rằng: “**أَلْفَافًا** – có nghĩa là **tập hợp, tụ hợp lại**.”

Tương tự, Allah (ﷻ) đã phán trong Surah Ar-Ra’d như sau:

قال الله تعالى: ﴿وَفِي الْأَرْضِ قِطْعٌ مُتَجَاوِرَاتٌ وَجَنَّاتٌ مِنْ أَعْنَابٍ وَزَرْعٌ وَنَخِيلٌ صِنَوَانٌ وَغَيْرُ صِنَوَانٍ يُسْقَى بِمَاءٍ وَاحِدٍ

وَنُفْضِلُ بَعْضَهَا عَلَى الْآخَرِ فِي الْأَكْلِ إِنَّ فِي ذَلِكَ لَآيَاتٍ لِقَوْمٍ يَعْقِلُونَ ﴿ سورة الرعد: ٤

((Và trên trái đất có những vùng đất rộng tiếp giáp nhau; và có những mảnh vườn trồng nho, và có những cánh đồng trồng bắp (lúa) và những cây chà là mọc từ một gốc hoặc khác biệt và

¹. Có nghĩa là Thiên sứ Muhammad (ﷺ) khuyên người phụ nữ đó nên dùng bông vải thấm nước quấn vùng ra kinh nguyệt.

được tưới bằng một loại nước duy nhất nhưng TA làm cho loại trái này ăn ngon hơn loại trái kia khi dùng. Chắc chắn nơi những hiện tượng đó là những Dấu hiệu cho đám người hiểu biết.
)) [Surah Ar-Ra'd: 4]



إِنَّ يَوْمَ الْفَصْلِ كَانَ مِيقَاتًا (١٧)

17- Quả thật, Ngày Quyết Định là một cuộc hẹn ấn định.

يَوْمَ يُنْفَخُ فِي الصُّورِ فَتَأْتُونَ أَفْوَاجًا (١٨)

18- Ngày mà Còi hụ sẽ hụ vang rền và các người sẽ đến từng đoàn;

وُفُتِحَتِ السَّمَاءُ فَكَانَتْ أَبْوَابًا (١٩)

19- Và bầu trời sẽ được mở toang như cửa mở,

وُسِيرَتِ الْجِبَالُ فَكَانَتْ سَرَابًا (٢٠)

20- Và những quả núi sẽ bị dời đi như ảo ảnh.

إِنَّ جَهَنَّمَ كَانَتْ مِرْصَادًا (٢١)

21- Quả thật, Hỏa ngục là một chỗ mai phục,

لِلطَّاغِيْنَ مَأْبَا (٢٢)

22- Một chỗ ngụy cho những kẻ vượt quá mức tội lỗi,

لَا يَثْنِي فِيهَا أَحْقَابًا (٢٣)

23- Chúng sẽ ở trong đó đời đời,

لَا يَذُوقُونَ فِيهَا بَرْدًا وَلَا شَرَابًا (٢٤)

24- Trong đó, không có gì mát để nếm cũng chẳng có gì để uống;

إِلَّا حَمِيمًا وَعَسَاقًا (٢٥)

25- Ngoại trừ một loại nước cực sôi và chất mù hôi tanh.

جَزَاءً وَفَاءً (٢٦)

26- Một phần đền xứng đáng.

إِنَّهُمْ كَانُوا لَا يَرْجُونَ حِسَابًا (٢٧)

27- Quả thật, chúng không màng đến việc phán xử;

وَكَذَّبُوا بِآيَاتِنَا كِذَابًا (٢٨)

28- Và chúng triệt để phủ nhận các Lời mặc khải của TA.

وَكُلَّ شَيْءٍ أَحْصَيْنَاهُ كِتَابًا (٢٩)

29- Và TA đã cho ghi mọi điều vào một quyển Sổ.

فَذُوقُوا فَلَنْ نَزِيدَكُمْ إِلَّا عَذَابًا (٣٠)

30- Bởi thế, hãy nếm (Lửa); do đó, TA sẽ không thêm gì cả cho các người ngoài hình phạt.



❖ Giải Thích Về Ngày Quyết Định Và Những Gì Xảy Ra Vào Ngày Đó:

Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى: ﴿ إِنَّ يَوْمَ الْفُصْلِ كَانَ مِيقَاتًا (١٧) ﴾

((17- Quả thật, Ngày Quyết Định là một cuộc hẹn ấn định.))

Allah (ﷻ) phán bảo về Ngày Quyết Định, và đó là Ngày Phán Xét. Nó sẽ diễn ra vào một thời gian đã được ấn định. Thời gian của nó sẽ không bị thay đổi, nhanh hơn hay là chậm hơn. Không một ai biết chính xác về thời gian của nó, ngoại trừ Allah (ﷻ). Như, Allah (ﷻ) đã phán trong Surah Hud như sau:

قال الله تعالى: ﴿ وَمَا نُؤَخِّرُهُ إِلَّا لِأَجَلٍ مُّعَدُّودٍ ﴾ سورة الهود : ١٠٤

((Và TA chỉ dời nó (Ngày đó) đến một thời hạn ấn định.)) [Surah Hud: 104]

Allah phán tiếp: trong chương An Basa 78:

قال الله تعالى: ﴿ يَوْمَ يُنْفَخُ فِي الصُّورِ فَتَأْتُونَ أَفْوَاجًا (١٨) ﴾

((18- Ngày mà Còi hụ sẽ hụ vang rền và các người sẽ đến từng đoàn;))

- Ông Mujahid nói rằng: “Vào Ngày đó con người sẽ tập trung lại thành những nhóm người nối tiếp theo nhau đến trình diện với Allah (ﷻ).”
- Ông Ibn Jarir (رحمته الله) thì nói như sau: “Có nghĩa là mỗi quốc gia (Cộng đồng) sẽ đến cùng với vị Sứ giả của nó.”

Tương tự, Allah (ﷻ) đã phán trong Surah Al-Isra' như sau:

قال الله تعالى: ﴿ يَوْمَ نَدْعُوا كُلَّ أُنَاسٍ بِإِمَامِهِمْ فَمَنْ أُوِّيَ كِتَابُهُ يَمِينِهِ فَأُولَئِكَ يَقْرَءُونَ كِتَابَهُمْ وَلَا يُظْلَمُونَ فَتِيلًا ﴾

سورة الإسراء : ٧١

(((Hãy ghi nhớ) Ngày mà TA sẽ gọi tập trung tất cả nhân loại cùng với những vị lãnh đạo của chúng. Rồi ai được trao cho quyển sổ (hành động) của mình nơi tay phải sẽ (vui thích) đọc quyển sổ (bộ đời) của họ và sẽ không bị đối xử bất công một tí nào.)) [Surah Al-Isra': 71]

- Imam Al-Bukhari ghi chép lại từ ông Abu Hurayrah (رضي الله عنه) rằng Thiên sứ của Allah (ﷺ) đã giải thích về Lời phán “يَوْمَ يُنْفَخُ فِي الصُّورِ فَتَأْتُونَ أَفْوَاجًا – Ngày mà Còi hụ sẽ hụ vang rền và các người sẽ đến từng đoàn”, như sau:

قال رسول الله صلى الله عليه وسلم: " مَا بَيْنَ النَّقَحَتَيْنِ أَرْبَعُونَ "

“Những gì diễn ra giữa hai Còi hụ là bốn mươi.”

Một số người đã hỏi ông Abu Hurayrah (رضي الله عنه): “*Hỡi ông Abu Hurayrah (رضي الله عنه)! Đó có phải là bốn mươi ngày không? Nhưng ông Abu Hurayrah (رضي الله عنه) từ chối trả lời? mà chỉ nói: “Ta không có lời giải thích nào cả.”*

Họ lại tiếp tục hỏi ông Abu Hurayrah (رضي الله عنه): “*Đó có phải là bốn mươi tháng không?*” Tuy nhiên, ông Abu Hurayrah (رضي الله عنه) vẫn từ chối trả lời và chỉ lặp lại câu nói: “*Ta không có lời giải thích nào cả.*”

Lần thứ ba, họ lại tiếp tục hỏi ông Abu Hurayrah (رضي الله عنه): “*Đó có phải là bốn mươi năm không?*” Lần thứ ba, ông Abu Hurayrah (رضي الله عنه) vẫn tiếp tục từ chối trả lời, và ông cũng nói câu: “*Ta không có lời giải thích nào cả.*”

Sau đó, ông Abu Hurayrah (رضي الله عنه) nói thêm rằng Thiên sứ của Allah (ﷺ) đến, và Người (ﷺ) đã nói như sau:

قال رسول الله صلى الله عليه وسلم: " ثُمَّ يُنْزِلُ اللَّهُ مِنَ السَّمَاءِ مَاءً فَيَنْبُتُونَ كَمَا يَنْبُتُ الْبَقْلُ ، لَيْسَ مِنَ الْإِنْسَانِ شَيْءٌ إِلَّا يَبْلَى ، إِلَّا عَظْمًا وَاحِدًا ، وَهُوَ عَجْبُ الذَّنْبِ ، وَمِنْهُ يَرْكَبُ الْخَلْقُ يَوْمَ الْقِيَامَةِ "

“Sau đó, Allah (ﷻ) sẽ ban xuống một cơn mưa từ bầu trời và xác chết sẽ mọc lên giống như một cây xanh nảy mầm. Mỗi bộ phận cơ thể của người chết đều sẽ bị hư hỏng hết, ngoại trừ một cái xương; và đó là xương cụt. Từ đó, sự tạo hóa sẽ được tái diễn lại² vào Ngày Phán Xét.”

قال الله تعالى: ﴿ وَفُتِحَتِ السَّمَاءُ فَكَانَتْ أَبْوَابًا (١٩) ﴾

((19- Và bầu trời sẽ được mở toang như cửa mở,))

Có nghĩa là các ngã đường và tuyến đường mở ra để các Thiên thần hạ thể thực thi Mệnh lệnh của Allah (ﷻ) vào Ngày Phán Xét.

قال الله تعالى: ﴿ وَسِيرَتِ الْجِبَالُ فَكَانَتْ سَرَابًا (٢٠) ﴾

((20- Và những quả núi sẽ bị dời đi như ảo ảnh.))

². Có nghĩa là vào Ngày đó, Allah (ﷻ) sẽ phục sinh và tái tạo lại nguyên vẹn những bộ phận cơ thể đã thối rữa của người chết như lúc họ còn sống để chịu Sự phán xét của Ngài (ﷻ).

Ý nghĩa của đoạn kinh trên tương tự với ý nghĩa Lời phán của Allah (ﷻ) trong Surah An-Naml tại Ayah số 88:

قال الله تعالى: ﴿ وَتَرَى الْجِبَالَ تَحْسَبُهَا جَامِدَةً وَهِيَ تَمُرُّ مَرَّ السَّحَابِ صُنِعَ اللَّهُ الَّذِي أَتَقَنَ كُلَّ شَيْءٍ إِنَّهُ خَبِيرٌ بِمَا تَفْعَلُونَ ﴾ سورة النمل : ٨٨

((Và Người sẽ thấy những quả núi mà Người tưởng chúng cố định vững chắc sẽ tan vỡ như những đám mây. Công trình nghệ thuật của Allah, Đấng đã hoàn chỉnh mọi vật. Quả thật, Ngài Rất mực Am tường mọi điều các người làm.)) [Surah An-Naml: 88]

Và trong Surah Al-Qariah, Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى: ﴿ وَتَكُونُ الْجِبَالُ كَالْعُفُوشِ ﴾ سورة القارعة : ٥

((Và các quả núi sẽ (bắn tung) như cụm lông cừu được chải ra;))

[Surah Al-Qariah: 5]

Allah (ﷻ) phán “فَكَانَتْ سَرَابًا – như là ảo ảnh”; có nghĩa là nó (những quả núi) hiện ra với những ai đang nhìn vào nó như là những vật gì đó, nhưng thực ra thì không có gì cả. Những quả núi sẽ bị di dời đi mà không để lại bất cứ một dấu vết nào cả. Và không một ai có thể nhìn thấy nó nữa.

Như, Allah (ﷻ) đã phán trong Surah Ta-Ha:

قال الله تعالى: ﴿ وَيَسْأَلُونَكَ عَنِ الْجِبَالِ فَقُلْ يَنْسِفُهَا رَبِّي نَسْفًا (١٠٥) فَيَذَرُهَا قَاعًا صَفْصَفًا (١٠٦)

لَا تَرَى فِيهَا عِوَجًا وَلَا أَمْتًا (١٠٧))) سورة طه : ١٠٥ - ١٠٧

((Và chúng hỏi Người về những quả núi, hãy bảo chúng: “Rabb (Allah) của ta sẽ búng chúng và vãi đi tứ tán. “Rồi Ngài (Allah) sẽ để cho nó (trái đất) thành bình địa; “Nơi đó, Người sẽ thấy không có gì quanh co và lồi lõm”.)) [Surah Ta-Ha: 105 – 107]

Và trong Surah Al-Kahf, Allah (ﷻ) đã phán:

قال الله تعالى: ﴿ وَيَوْمَ نُسَيِّرُ الْجِبَالَ وَتَرَى الْأَرْضَ بَارِزَةً وَحَشَرْنَاهُمْ فَلَمْ نُغَادِرْ مِنْهُمْ أَحَدًا ﴾ سورة الكهف : ٤٧

((Và Ngày mà TA sẽ dỡ mất các ngọn núi và Người sẽ thấy mặt đất sẽ trống trải bằng phẳng và TA sẽ tập trung chúng lại và sẽ không bỏ sót một người nào;)) [Surah Al-Kahf: 47]

قال الله تعالى: ﴿ إِنَّ جَهَنَّمَ كَانَتْ مِرْصَادًا (٢١) ﴾

((21- Quả thật, Hỏa ngục là một chỗ mai phục,))

Có nghĩa là Hỏa Ngục, là một chỗ được chuẩn bị và sẵn sàng cho việc trừng trị.

قال الله تعالى: ﴿ لِلظَّالِمِينَ مَلَبًا (٢٢) ﴾

((22- Một chỗ ngụ cho những kẻ vượt quá mức tội lỗi,))

Có nghĩa là Hỏa Ngục là một chỗ quay về, điểm đến cuối cùng, hậu quả và là nơi ở cuối cùng của những kẻ bất tin; là những kẻ phủ nhận và chống đối lại các vị Thiên sứ.

قال الله تعالى: ﴿لَا يَتَّبِعُن فِيهَا وَحِيبًا وَلَا شِرَابًا﴾ (٢٣)

((23- Chúng sẽ ở trong đó đời đời,))

Có nghĩa là những kẻ bất tin sẽ ở trong Hỏa Ngục đời đời (أَحْقَابًا - **Ahqab**). **Ahqab** là số nhiều của **Huqb**. **Huqb** có nghĩa là một khoảng thời gian.

- Ông Ibn Jarir (رحمه الله) ghi chép lại rằng ông Khalid bin Ma'dan (رحمه الله) đã nói rằng Ayah này và Ayah “إِلَّا مَا شَاءَ رَبُّكَ” – Trừ phi Rabb của Người (Muhammad) muốn khác đi” Surah Hud: 107, đều đề cập đến người của **Tawhid**.
- Ông Ibn Jarir (رحمه الله) ghi chép lại từ ông Salim (رحمه الله) rằng ông đã từng nghe ông Al-Hasan (رحمه الله) được hỏi về Lời phán “لَا يَتَّبِعُن فِيهَا وَحِيبًا” – Chúng sẽ ở trong đó đời đời”, và ông Al-Hasan (رحمه الله) đã nói như sau: “**Ahqab** có nghĩa là không có một khoảng thời gian cụ thể. Và ý nghĩa tổng quát của nó là ở đời đời trong Hỏa Ngục. Tuy nhiên, họ (các vị Sahabah) nói rằng **Huqb** là một khoảng thời gian bảy mươi năm, và mỗi ngày của nó bằng một ngàn năm theo thời gian trần tục.”
- Ông Ibn Jarir (رحمه الله) ghi chép lại từ ông Sa'id (رحمه الله) rằng ông Qatadah đã nói về Lời phán “لَا يَتَّبِعُن فِيهَا وَحِيبًا” – Chúng sẽ ở trong đó đời đời”, như sau: “Nó không có điểm kết. Bất cứ khi nào có một kỷ nguyên đến hồi kết thì liền có một kỷ nguyên mới nối tiếp nó. Chúng tôi được nói cho biết rằng **Huqb** là khoảng thời gian tám mươi năm.”
- Ông Ibn Jarir (رحمه الله) có ghi chép lại rằng ông Ar-Rabi' (رحمه الله) đã nói về Lời phán “لَا يَتَّبِعُن فِيهَا وَحِيبًا” – Chúng sẽ ở trong đó đời đời”, như sau: “Không một ai biết chính xác về thời gian của **Ahqab**, ngoại trừ Allah (ﷻ). Chúng tôi được nói cho biết rằng **Huqb** là khoảng thời gian tám mươi năm; và một năm là ba trăm sáu mươi ngày; và mỗi ngày của nó thì tương đương với một ngàn năm của trần tục.”

قال الله تعالى: ﴿لَا يَذُوقُونَ فِيهَا بَرْدًا وَلَا شَرَابًا﴾ (٢٤)

((24- Trong đó, không có gì mát để nếm cũng chẳng có gì để uống;))

Có nghĩa là các cư dân của Hỏa Ngục sẽ không có được bất cứ sự trầm tĩnh, ẩm cúng cho trái tim của họ; và chúng cũng không có gì để uống cả.

Vì thế, Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى: ﴿إِلَّا حَمِيمًا وَغَسَّاقًا﴾ (٢٥)

((25- Ngoại trừ một loại nước cực sôi và chất mù hôi tanh.))

Ông Abu Al-`Aliyah (رضي الله عنه) nói rằng: “**حميم** – **Hamim**; được tạo ra không có một chút sự mát lạnh nào cả. Và **غَسَّاقًا** – **Ghassaq**; không phải là một loại nước dùng để uống.”

- ✓ **Hamim** có nghĩa là độ nóng đạt đến mức cao nhất và cực sôi. Và **Ghassaq** thì được tu hợp lại từ mủ của vết thương, mồ hôi, nước mắt và vết thương của cư dân của Hỏa Ngục. Nó có một độ lạnh không thể nào chịu đựng được cộng với một mùi hôi thối vô cùng khinh khủng.

Cầu xin Allah (ﷻ) dẫn dắt chúng ta đi theo Con đường ngay chính và che chở, cứu rỗi chúng ta tránh xa sự trừng phạt trong Hỏa Ngục. Amin!

قال الله تعالى: ﴿ جَزَاءً وَفَاقًا ﴾ (٢٦)

((26- Một phần đền xứng đáng.))

- Ông Mujahid, ông Qatadah và một vài vị Sahabah (رضي الله عنهم) nói rằng: “*Sự trừng phạt này giáng lên đầu chúng là hậu quả của sự bất tin và những việc làm đồi bại của chúng trên trần gian.*”

قال الله تعالى: ﴿ إِنَّهُمْ كَانُوا لَا يَرْجُونَ حِسَابًا ﴾ (٢٧)

((27- Quả thật, chúng không màng đến việc phán xử;))

Có nghĩa là những kẻ bất tin không tin rằng sẽ có một nơi trú ngụ mà họ sẽ bị tống vào đó đời đời sống trong khổ cực và nhục nhã ê chề.

قال الله تعالى: ﴿ وَكَذَّبُوا بِآيَاتِنَا كِذَابًا ﴾ (٢٨)

((28- Và chúng triệt để phủ nhận các Lời mặc khải của TA.))

Nghĩa là chúng đã luôn phủ nhận những bằng chứng, dấu hiệu của Allah (ﷻ) về sự tạo hóa của Ngài (ﷻ) mà Ngài (ﷻ) đã mặc khải cho các vị Thiên sứ (ﷺ). Khi họ nhìn thấy những bằng chứng và dấu hiệu rõ ràng thì họ né tránh, phớt lờ và phủ nhận nó.

Lời phán “**كِدَابًا** - **Kidhdhaba**” có nghĩa là sự phủ nhận; và nó là một danh động từ chứ không phải là một động từ.

قال الله تعالى: ﴿ وَكُلَّ شَيْءٍ أَحْصَيْنَاهُ كِتَابًا ﴾ (٢٩)

((29- Và TA đã cho ghi mọi điều vào một quyển Sổ.))

Quả thực, Allah (ﷻ) biết rõ mọi việc làm của các tạo vật của Ngài (ﷻ). Và Ngài (ﷻ) đã ghi chép lại những việc làm của họ cho họ. Ngài (ﷻ) sẽ ban thưởng cho họ dựa vào những việc làm của họ. Nếu như những việc làm của họ tốt thì Ngài (ﷻ) sẽ ban thưởng cho họ những phần thưởng xứng đáng. Ngược lại, nếu như những việc làm của họ xấu xa, đồi bại thì họ sẽ bị Ngài (ﷻ) trừng phạt đích đáng.

Sau đó thì Allah (ﷻ) đã phán:

قال الله تعالى: ﴿فَذُوقُوا فَلَنْ نَزِيدَكُمْ إِلَّا عَذَابًا (٣٠)﴾

((30- Bởi thế, hãy ném (Lửa); do đó, TA sẽ không thêm gì cả cho các người ngoài hình phạt.))

Ayah trên là Lời phán bảo của Allah (ﷻ) với những kẻ bất tin rằng hãy ném những gì mà các người đang trải nghiệm. Ngài (ﷻ) không bớt và cũng không gia tăng bất cứ điều gì cho chúng ngoài hình phạt dựa theo những tội lỗi mà chúng đã phạm lúc đang sống trên trần gian.

- Ông Qatadah thuật lại từ ông Abu Ayyub Al-Azdi (رضي الله عنه) rằng ông Abdullah bin Amr (رضي الله عنه) đã nói như sau: “Allah (ﷻ) đã không mặc khải một Ayah nào chống lại cư dân của Hỏa Ngục mãnh liệt hơn Ayah này: (فَذُوقُوا فَلَنْ نَزِيدَكُمْ إِلَّا عَذَابًا) – Bởi thế, hãy ném (Lửa); do đó, TA sẽ không thêm gì cả cho các người ngoài hình phạt).”

Sau đó, ông Abdullah bin Amr (رضي الله عنه) đã nói tiếp như sau: “*Các hình phạt sẽ mãi cứ diễn ra không ngừng.*”



إِنَّ لِلْمُتَّقِينَ مَفَازًا (٣١)

31- Quả thật những người ngay chính sợ Allah sẽ thành đạt:

حَدَائِقَ وَأَعْنَابًا (٣٢)

32- Những ngôi vườn tươi tốt và những vườn nho;

وَكُوعًا مِّنْ أَثْرَابًا (٣٣)

33- Những trinh nữ với bộ ngực căng tròn cùng lứa tuổi;

وَكَاْسًا دِهَاقًا (٣٤)

34- Và một cốc đầy (rượu).

لَا يَسْمَعُونَ فِيهَا لَغْوًا وَلَا كِذَّابًا (٣٥)

35- Không nghe một lời sàm sỡ và gian dối nào trong đó;

جَزَاءً مِّنْ رَبِّكَ عَطَاءً حِسَابًا (٣٦)

36- Một phần thưởng từ Rabb của Người, một món quà đã được tính toán.



❖ **Sự Thành Công Vĩ Đại Sẽ Dành Cho Những Ai Có Taqwa:**

Allah (ﷻ) phán bảo cho biết về những người hạnh phúc và những gì Ngài (ﷻ) đã chuẩn bị cho họ là sự kính mến, quý trọng và niềm vui sướng vĩnh cửu.

Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى: ﴿ إِنَّ لِلْمُتَّقِينَ مَفَارًا (٣١) ﴾

((31- Quả thực những người ngay chính sợ Allah sẽ thành đạt:))

- Ông Ibn `Abbas và ông Ad-Dahhak nói rằng: “Đó là một nơi nghỉ ngơi thú vị.”
- Ông Mujahid và ông Qatadah thì nói như sau: “Họ là những người thành công; và do đó họ đã được che chở, bảo vệ tránh khỏi Hỏa Ngục.”

Tuy nhiên, sự diễn giải chính xác và rõ ràng nhất là sự diễn giải của ông Ibn `Abbas (رضي الله عنه); bởi vì Allah (ﷻ) phán tiếp theo đoạn kinh trên là “حَدَائِقُ – Hada’iq”. Và Hada’iq có nghĩa là các ngôi vườn trong đó có cây chà là và nhiều thứ khác nữa.

قال الله تعالى: ﴿ حَدَائِقُ وَأَعْنَابًا (٣٢) ﴾ وَكَوَاعِبَ أَتْرَابًا (٣٣) ﴾

((32- Những ngôi vườn tươi tốt và những vườn nho;))

((33- Những trinh nữ với bộ ngực căng tròn cùng lứa tuổi;))

Có nghĩa là các trinh nữ đôi mắt to với bộ ngực căng tròn cùng lứa tuổi.

- Ông Ibn `Abbas, ông Mujahid và một vài vị Sahabah (رضي الله عنه) nói rằng: “كَوَاعِبَ – Kawa`ib; có nghĩa là bộ ngực căng tròn. Bộ ngực của những cô gái này căng tròn, đầy đặn, và không bị sệ xuống; bởi vì họ là những trinh nữ cùng lứa tuổi. Có nghĩa là các trinh nữ này đều có cùng một lứa tuổi như nhau, không ai lớn tuổi hay nhỏ tuổi hơn ai.”

قال الله تعالى: ﴿ وَكَأْسًا دِهَاقًا (٣٤) ﴾

((34- Và một cốc đầy (rượu).))

- Ông Ibn `Abbas (رضي الله عنه) nói rằng: “Cốc rượu thì luôn đầy và không bao giờ vơi.”
- Còn ông Ikrimah (رضي الله عنه) thì nói rằng: “Cốc rượu nguyên chất và thanh khiết.”
- Ông Mujahid, ông Al-Hasan, ông Qatadah và ông Ibn Zayd (رضي الله عنه) nói rằng: “دِهَاقًا – Dihaq; có nghĩa là đầy ắp.”

Sau đó, Allah (ﷻ) đã phán:

قال الله تعالى: ﴿ لَا يَسْمَعُونَ فِيهَا لَغْوًا وَلَا كِذَابًا (٣٥) ﴾

((35- Không nghe một lời sàm sỡ và gian dối nào trong đó;))

Ý nghĩa của Ayat trên tương tự như ý nghĩa của Lời phán của Allah (ﷻ) trong Surah At-Tur:

قال الله تعالى: ﴿ يَتَنَزَّعُونَ فِيهَا كَأْسًا لَا لَغْوٌ فِيهَا وَلَا تَأْثِيمٌ ۝ سورة الطور: ٢٣ ﴾

((Trong đó (Thiên đàng), họ sẽ trao cho nhau một cái tách không chứa lời tầm phào và không tội lỗi.)) [Surah At-Tur: 23]

Nghĩa là trong Thiên Đàng sẽ không có những lời nói rỗng tếch, không có ý nghĩa hay là những lời nói dối trá tội lỗi. Thiên Đàng là một nơi trú ngụ thanh bình, an lành và mọi thứ trong đó đều hoàn hảo.

قال الله تعالى: ﴿ جَزَاءٌ مِنْ رَبِّكَ عَطَاءٌ حِسَابًا ﴾ (٣٦)

((36- Một phần thưởng từ Rabb của Người, một món quà đã được tính toán.))

Có nghĩa là những gì mà Allah (ﷻ) đã đề cập với Thiên sứ Muhammad (ﷺ) là những phần thưởng mà Ngài (ﷻ) sẽ ban thưởng cho những người có đức tin. Họ sẽ được ban thưởng thông qua các đặc ân của Ngài (ﷻ) và đến từ Ngài (ﷻ). Đó là sẽ một sự đối xử ân cần, nhân từ; và là một sự ban cấp, ban thưởng xứng đáng từ Ngài (ﷻ). Các phần thưởng luôn dồi dào, phong phú và phù hợp.

Những người Ả-rập nói: “Ngài (ﷻ) đã ban cấp cho tôi và Ngài (ﷻ) đã làm cho tôi được đầy đủ.” Nghĩa là Allah (ﷻ) đã ban cấp cho tôi một cách thỏa đáng. Vì lẽ đó, đã xuất hiện câu châm ngôn như sau: “Allah (ﷻ) thì luôn đầy đủ đối với tôi.”



رَبِّ السَّمَاوَاتِ وَالْأَرْضِ وَمَا بَيْنَهُمَا الرَّحْمَنُ لَا يَمْلِكُونَ مِنْهُ خِطَابًا (٣٧)

37- (Bởi) Rabb của các tầng trời và trái đất và mọi vật giữa hai (trời đất), Đấng Rất mực Độ lượng mà không ai được quyền đôi co.

يَوْمَ يَقُومُ الرُّوحُ وَالْمَلَائِكَةُ صَفًّا لَا يَتَكَلَّمُونَ إِلَّا مَنْ أَذِنَ لَهُ الرَّحْمَنُ وَقَالَ صَوَابًا (٣٨)

38- Ngày mà Thiên thần Jibril và các thiên thần đứng thành hàng. Không ai được nói ngoại trừ người nào mà Đấng Rất mực Độ Lượng cho phép; và y sẽ nói điều nào đúng đắn.

ذَلِكَ الْيَوْمُ الْحَقُّ فَمَنْ شَاءَ اتَّخَذَ إِلَىٰ رَبِّهِ مَآبًا (٣٩)

39- Đó là Ngày của sự Thật. Bởi thế, người nào muốn, hãy chọn lấy một chỗ ngụ với Rabb của y.

إِنَّا أَنْذَرْنَاكُمْ عَذَابًا قَرِيبًا يَوْمَ يَنْظُرُ الْمَرْءُ مَا قَدَّمَتْ يَدَاهُ وَيَقُولُ الْكَافِرُ يَا لَيْتَنِي كُنْتُ ثَرَابًا (٤٠)

40- Quả thật, TA đã cảnh cáo các người về một sự trừng phạt gần kề, Ngày mà con người sẽ thấy cái mà bàn tay của y đã gởi đi trước và người vô niềm tin sẽ than: “Thiệt thân tôi mất! Phải chi tôi là cát bụi!”



❖ Không Một Ai Dám Nói Trước Mặt Allah (ﷻ) Kể Cả Các Vị Thiên Thần (ﷺ), Nếu Như Không Không Được Sự Cho Phép Của Ngài (ﷻ):

Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى: ﴿ رَبِّ السَّمَاوَاتِ وَالْأَرْضِ وَمَا بَيْنَهُمَا الرَّحْمَنُ ... ﴾

(((Bởi) Rabb của các tầng trời và trái đất và mọi vật giữa hai (trời đất), Đấng Rất mực Độ lượng ...))

Allah (ﷻ) phán bảo cho biết về Sự Vĩ Đại và Oai Nghiêm của Ngài (ﷻ) rằng Ngài (ﷻ) là Đấng Chủ Tể của các tầng trời và trái đất và mọi vật giữa trời và đất. Ngài (ﷻ) giải thích rằng Ngài (ﷻ) là Đấng Rất mực Độ lượng; che chở và kiểm soát vạn vật.

قال الله تعالى: ﴿... لَا يَمْلِكُونَ مِنْهُ خِطَابًا (٣٧)﴾

((37- ... mà không ai được quyền đôi co.))

Có nghĩa là không một ai dám nói trước mặt Ngài (ﷻ) nếu như không được Ngài (ﷻ) cho phép. Tương tự, Allah (ﷻ) đã phán trong Surah Al-Baqarah như sau:

قال الله تعالى: ﴿... مَنْ ذَا الَّذِي يَشْفَعُ عِنْدَهُ إِلَّا بِإِذْنِهِ ...﴾ سورة البقرة: ٢٥٥

((... Ai là người có thể can thiệp được với Ngài nếu không có phép của Ngài?...)) [Surah Al-Baqarah: 255]

Và trong Surah Hud, Allah (ﷻ) cũng đã phán như sau:

قال الله تعالى: ﴿يَوْمَ يَأْتِ لَا تَكَلِّمُ نَفْسٌ إِلَّا بِإِذْنِهِ فَمِنْهُمْ شَقِيٌّ وَسَعِيدٌ﴾ سورة الهود: ١٠٥

((Ngày mà khi nó đến, không một người (linh hồn) nào được lên tiếng trừ phi có phép của Ngài (Allah). Do đó, trong họ có kẻ bị họa và có người được phúc.)) [Surah Hud: 105]

Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى: ﴿يَوْمَ يَقُومُ الرُّوحُ وَالْمَلَائِكَةُ صَفًّا لَا يَتَكَلَّمُونَ ...﴾

((Ngài mà Thiên thần Jibril và các thiên thần đứng thành hàng. Không ai được nói ...))

Ông Ash-Shabi, ông Sa'id bin Jubayr và ông Ad-Dahhak nói rằng từ “**Ruh** - الرُّوح” trong Ayah trên là đề cập về Thiên thần Jibril (جبريل). Như, Allah (ﷻ) đã phán trong Surah Ash-Shu'ara như sau:

قال الله تعالى: ﴿نَزَلَ بِهِ الرُّوحُ الْأَمِينُ (١٩٣) عَلَى قَلْبِكَ لِتَكُونَ مِنَ الْمُنْذِرِينَ (١٩٤)﴾ سورة الشعراء: ١٩٣ – ١٩٤

((Thiên Thần Jibril đã mang Nó xuống, Đặt vào quả tim của Người (Muhammad) để Người trở thành một Người báo trước;)) [Surah Ash-Shu'ara: 193 – 194]

Ông Muqatil bin Hayyan (رحمته الله) đã nói như sau: “**Ruh** là vị Thiên thần cao quý nhất trong các vị Thiên thần, và **Ruh** là vị Thiên thần gần với Đấng Chủ Tể của họ nhất, và là vị Thiên thần mang Thiên khải của Allah (ﷻ) xuống trần gian.”

قال الله تعالى: ﴿... إِلَّا مَنْ أِذْنُ لَهُ الرَّحْمَنُ ...﴾

((... ngoại trừ người nào mà Đấng Rất mực Độ lượng cho phép ...))

Ý nghĩa của Lời phán trên tương tự như ý nghĩa của Lời phán của Allah (ﷻ) trong Surah Hud:

قال الله تعالى: ﴿يَوْمَ يَأْتِ لَا تَكَلِّمُ نَفْسٌ إِلَّا بِإِذْنِهِ فَمِنْهُمْ شَقِيٌّ وَسَعِيدٌ﴾ سورة الهود: ١٠٥

((Ngày mà khi nó đến, không một người (linh hồn) nào được lên tiếng trừ phi có phép của Ngài (Allah). Do đó, trong họ có kẻ bị họa và có người được phúc.)) [Surah Hud: 105]
Tương tự, trong Sahih Al-Bukhari và Muslim có ghi chép lại rằng Thiên sứ Muhammad (ﷺ) đã có nói như sau:

قال رسول الله صلى الله عليه وسلم: "وَلَا يَتَكَلَّمُ يَوْمَئِذٍ إِلَّا الرُّسُلُ"

“Và không một ai sẽ nói vào Ngày đó, ngoại trừ các vị Sứ giả.”

قال الله تعالى: ﴿... وَقَالَ صَوَابًا (٣٨)﴾

((38- ... và y sẽ nói điều nào đúng đắn.))

Ông Abu Salih và ông Ikrimah (رضي الله عنه) nói rằng: “ Nó có nghĩa là sự thật. Và sự thật là không có thượng đế nào đáng tôn thờ, ngoại trừ Allah (ﷻ).”

قال الله تعالى: ﴿ذَلِكَ الْيَوْمُ الْحَقُّ ...﴾

((Đó là Ngày của sự Thật ...))

Nghĩa là Ngày đó sẽ đến và không né tránh được.

قال الله تعالى: ﴿... فَمَنْ شَاءَ اتَّخَذْ إِلَىٰ رَبِّهِ مَلَبًا (٣٩)﴾

((39- ... Bởi thế, người nào muốn, hãy chọn lấy một chỗ ngụ với Rabb của y.))

Một nơi trở về, một con đường dẫn đến Allah (ﷻ), và là một con đường rằng y có thể vượt qua để đến với Allah (ﷻ).

❖ Ngày Phán Xét Thì ở Rất Gần:

Allah (ﷻ) đã như sau:

قال الله تعالى: ﴿إِنَّا أَنْذَرْنَاكُمْ عَذَابًا قَرِيبًا ...﴾

((Quả thật, TA đã cảnh cáo các người về một sự trừng phạt gần kề, ...))

Lời phán trên cho thấy rằng Allah (ﷻ) cảnh báo rằng Ngày Phán Xét đang ở rất gần; bởi vì mọi thứ đang trôi qua một cách dứt khoát.

قال الله تعالى: ﴿... يَوْمَ يَنْظُرُ الْمَرْءُ مَا قَدَّمَتْ يَدَاهُ ...﴾

((... Ngày mà con người sẽ thấy cái mà bàn tay của y đã gửi đi trước ...))

Mọi việc làm của y sẽ hiện ra trước mặt y; việc tốt và việc xấu; cũ và mới. Tương tự, Allah (ﷻ) đã phán trong Surah Al-Kahf như sau:

قال الله تعالى: ﴿وَوُضِعَ الْكِتَابُ فَتَرَى الْمُجْرِمِينَ مُشْفِقِينَ مِمَّا فِيهِ وَيَقُولُونَ يَا وَيْلَتَنَا مَالِ هَذَا الْكِتَابِ لَا يُغَادِرُ صَغِيرَةً وَلَا كَبِيرَةً إِلَّا أَحْصَاهَا وَوَجَدُوا مَا عَمِلُوا حَاضِرًا وَلَا يَظْلِمُ رَبُّكَ أَحَدًا﴾ سورة الكهف: ٤٩

((Và quyển sổ (của chúng) sẽ được mang đặt trước mặt. Rồi Người sẽ thấy những kẻ tội lỗi kinh hãi về những điều ghi trong đó. Và chúng sẽ than: “Ôi, thật khổ thân chúng tôi! Một quyển sổ gì như thế này! Nó ghi không sót một điều nào dù nhỏ hay lớn.” Và chúng sẽ thấy xuất hiện trước mặt chúng tất cả những điều mà chúng đã làm. Và Rabb của Người sẽ không đối xử bất công với một ai cả.)) [Surah Al-Kahf: 49]

Và trong Surah Al-Qiyamah, Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى: ﴿يُنَبِّئُ الْإِنْسَانَ يَوْمَئِذٍ بِمَا قَدَّمَ وَأَخَّرَ﴾ سورة القيامة: ١٣

((Vào Ngày đó, con người sẽ được báo cho biết điều mà y đã gởi đi trước và điều mà y còn để lại sau.)) [Surah Al-Qiyamah: 13]

Sau đó, Allah (ﷻ) đã phán:

قال الله تعالى: ﴿... وَيَقُولُ الْكَافِرُ يَا لَيْتَنِي كُنْتُ تُرَابًا﴾ (٤٠)

((40- ... và người vô niềm tin sẽ than: “Thiệt thân tôi mất! Phải chi tôi là cát bụi!”))

Có nghĩa là vào Ngày đó kẻ bất tin mong ước rằng y chỉ là cát bụi lúc y đang sống trên trần gian. Y ước rằng y đã không được tạo ra và y chưa bao giờ từng hiện hữu trên trần gian. Điều mong ước này diễn ra khi y nhìn thấy sự trừng phạt của Allah (ﷻ). Y nhìn vào những việc làm xấu xa, đồi bại được các vị Thiên thần cao quý ghi chép lại trong một quyển sổ như là một bằng chứng chống lại y.

Cũng có quan điểm cho rằng y chỉ cầu ước điều đó khi Allah (ﷻ) phán xét các loài động vật đã từng hiện hữu trên trần gian. Ngài (ﷻ) sửa sai lại các vấn đề giữa chúng bằng sự uyên thâm của Ngài (ﷻ) và không một con vật nào bị oan ức cả. Thậm chí, một con cừu không sừng sẽ được phép chống lại một con cừu có sừng để bảo thù cho bản thân của nó bị con cừu có sừng ức hiếp lúc sống trên trần gian. Khi sự phán xét giữa chúng kết thúc thì Allah (ﷻ) sẽ phán với chúng như sau: **“Hãy trở thành cát bụi.”** Lập tức tất cả chúng sẽ biến thành cát bụi.

Khi chứng kiến điều này thì kẻ bất tin sẽ nói như sau: **“يَا لَيْتَنِي كُنْتُ تُرَابًا – Phải chi tôi là cát bụi”**. Có nghĩa là y ước rằng y chỉ là một con thú vật rằng y có thể biến thành cát bụi.

والله أعلم وصلى الله وسلم على نبينا محمد وعلى آله وصحبه أجمعين

Roh Man Ibrahim
Cựu sinh viên UIA, Malaysia
Chuyển dịch